Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 24.02.2020 16:16:27 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2020*

BÁO CÁO
Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2019

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả THTK, CLP năm 2019 trên địa bàn tỉnh (mốc báo cáo từ ngày 01/01 đến 31/12/2019) và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới, như sau:

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh

Ngày 18/6/2019, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 1242/KH-UBND về tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019, trong đó:

- Nội dung tuyên truyền các văn bản sau:

+ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2019.

+ Tiếp tục tuyên truyền Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính về quy định tiêu chí đánh giá kết quả THTK, CLP trong chi thường xuyên.

+ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh về ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2019.

+ Chương trình, kế hoạch THTK, CLP năm 2019 của Bộ, ngành cấp trên, của cơ quan, đơn vị đã ban hành để tuyên truyền trong nội bộ ngành, cơ quan, đơn vị.

- Hình thức tuyên truyền, như: Tờ gấp, đĩa CD, trên báo, đài, hệ thống thông tin cơ sở... để phổ biến pháp luật về THTK, CLP bằng đến cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, sinh viên, học sinh và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Kết quả công tác tuyên truyền về THTK, CLP:

Kết quả công tác tuyên truyền pháp luật chung, trong đó có nội dung về THTK, CLP, gồm: Thành phố Tây Ninh truyền 53 tin và 31 bài có thời lượng 1.128 phút; huyện Tân Châu tổ chức tuyên truyền 682 cuộc/24.328 lượt người dự; huyện Trảng Bàng tổ chức tuyên truyền 245 cuộc/6.482 lượt người dự, Đài truyền thanh huyện đã tuyên truyền trên hệ thống phát thanh tổng số giờ phát là 10 giờ 05 phút; huyện Gò Dầu tổ chức tuyên truyền 42 cuộc/1.429 lượt người dự, hệ thống truyền thanh đã phát sóng 545 phút; huyện Dương Minh Châu tổ chức tuyên truyền, phổ biến lồng ghép được 89 cuộc, hơn 3.357 lượt người tham gia; tuyên truyền thông qua hệ thống phát thanh được 88 tin, 22 bài với tổng thời lượng 5 giờ 16 phút.

Công tác tuyên truyền về THTK, CLP gắn với "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đã giáo dục chính trị, tư tưởng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, tạo chuyển biến trong nhận thức về lợi ích của việc THTK, CLP đối với xã hội và cá nhân, góp phần nâng cao đời sống và thu nhập.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và việc THTK, CLP của tỉnh

Thực hiện Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020 (QĐ số 2544/QĐ-TTg) và năm 2019 (QĐ số 213/QĐ-TTg); Công văn số 3482/BTC-PC ngày 26/3/2019 của Bộ Tài chính về việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK,CLP năm 2019.

Thực hiện Thông báo kết luận số 26/TB-HĐND ngày 25/10/2018 của HĐND tỉnh Tây Ninh về giám sát công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, ngày 18/9/2019 UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị sơ kết công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 3 năm 2016-2018 trên địa bàn tỉnh (theo Kế hoạch số 1447/KH-UBND ngày 08/7/2019) và đã ban hành Báo cáo số 406/BC-UBND ngày 08/11/2019 về sơ kết công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 3 năm giai đoạn 2016-2018.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 về Chương trình THTK, CLP năm 2019, cụ thể:

- Mục tiêu của năm 2019 là tạo chuyển biến rõ rệt trong nhận thức về THTK, CLP, đưa công tác này đi vào thực chất với những kết quả cụ thể; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác THTK, CLP trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, góp phần tăng cường nguồn lực thực hiện các mục tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định đời sống của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

- Nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh là xây dựng và thực hiện tốt Chương trình THTK, CLP năm 2019, yếu tố quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và tạo cơ sở để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình THTK, CLP giai đoạn 2016 – 2020 của tỉnh và của Chính phủ.

- Kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu tại Chương trình THTK, CLP năm 2019 của UBND tỉnh đã đạt được, như sau:

+ Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) (giá so sánh 2010) ước thực hiện 56.371 tỷ đồng, tăng 8,4% so cùng kỳ (KH 2019: tăng 8 % trở lên); GRDP bình quân đầu người 2.940 USD đạt 101,38% so kế hoạch (KH 2019: 2.900 USD).

+ Huy động tổng nguồn vốn Đầu tư phát triển thực hiện 33.962 tỷ đồng, bằng 42,7 % GRDP vượt 7,7 % so kế hoạch (KH 2019: 35% GRDP), tăng 22,0% so cùng kỳ;

Ngoài ra, còn một số chỉ tiêu khác lần lượt thể hiện theo từng mục báo cáo.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản:

- Công văn số 826/UBND-KTTC ngày 25/4/2019, UBND tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng các Sở, ngành, huyện, thành phố (gọi tắt: các cơ quan đơn vị) quan tâm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng, ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2019 và tổ chức thực hiện.

- Công văn số 446/UBND-KTTC ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện tiết kiệm điện.

Các Sở, ngành, huyện, thành phố đã thực hiện ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2019 và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện; báo cáo đã triển khai các chương trình THTK, CLP của Chính phủ, UBND tỉnh tại cơ quan, đơn vị mình và các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Để kiểm tra, giám sát về THTK, CLP, UBND tỉnh đã ban hành:

- Công văn số 156/UBND-NC ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh về việc nắm tình hình, báo cáo sử dụng tài sản công, tặng quà và nhận quà tặng không đúng quy định trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019.

- Công văn số 150/UBND-TH ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh về việc tổ chức trực và báo cáo tình hình trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019;

- Kế hoạch số 2322/KH-UBND ngày 17/10/2019 về kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2435/QĐ-UBND về thành lập Đoàn kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019, tiến hành kiểm tra tại Sở Tư pháp, Sở Xây dựng; Thông báo kết luận số 90/KL-UBND ngày 15/01/2020 về kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 tại Sở Tư pháp, Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh.

Kết quả công tác thanh tra năm 2019 trên địa bàn tỉnh, các cơ quan Thanh tra đã triển khai 58 cuộc thanh tra với 83 đơn vị. Các cuộc thanh tra chủ yếu ở lĩnh vực tài chính ngân sách (27/58 cuộc chiếm 47%), còn lại là các lĩnh vực đất đai, quản lý hành chính, xây dựng cơ bản. Hiện đã ban hành kết luận 42 cuộc, qua thanh tra phát hiện vi phạm 6.078 triệu đồng và 2.519.922 m^2 đất, kiến nghị thu hồi 4.643 triệu đồng và 461.860 m^2 đất, đã thu hồi nộp ngân sách Nhà nước 1.797 triệu đồng, kiến nghị khác 1.435 triệu đồng và 2.058.062 m^2 đất, kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính 07 tổ chức, 43 cá nhân, xử lý kỷ luật 06 cá nhân. Chuyển cơ quan điều tra 01 vụ, 05 đối tượng.

II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cụ thể trong các lĩnh vực

a) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong năm 2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 về quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Tây Ninh, chế độ tổ chức hội nghị quốc tế tại Tây Ninh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

b) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN) *(phụ lục kèm theo)*

b.1- Về cơ chế tài chính đã giao các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp

- Cơ quan hành chính: Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí đối với các cơ quan hành chính, như sau:

+ Đơn vị cấp tỉnh: đã giao 40/40 cơ quan đạt 100%, trong đó: 19 cơ quan sở, ngành; 16 cơ quan trực thuộc sở, ngành; 05 tổ chức chính trị xã hội.

+ Đơn vị cấp huyện, xã: đã giao 257/257 cơ quan đạt 100%, trong đó: 162 cơ quan, ban ngành; 95 UBND xã, phường, thị trấn.

- Đơn vị sự nghiệp: Thực hiện các Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị định 141/2016/NĐ-CP và Nghị định 54/2016/NĐCP của Chính phủ, UBND tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, nhằm tạo quyền chủ động trong quản lý biên chế và tài chính cho thủ trưởng đơn vị, cụ thể như sau:

+ Đơn vị cấp tỉnh (giao theo NĐ 43, NĐ 141, NĐ 54): đã giao 105/105 đơn vị đạt 100%, trong đó: 12 đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên; 63 đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên; 30 đơn vị ngân sách đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên.

+ Đơn vị cấp huyện (giao theo NĐ 43, NĐ 141, NĐ 54): đã giao 511/511 đơn vị đạt 100 %, trong đó: 15 đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên (kể cả 01 đơn vị tự đảm bảo về chi đầu tư); 228 đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên; 268 đơn vị ngân sách đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên.

Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đã được giao cơ chế tài chính nêu trên đã ban hành: Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Quy chế làm việc; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, thực hiện công khai minh bạch việc quản lý, sử dụng kinh phí, làm cơ sở cho việc thực hành tiết kiệm.

b.2. Tiết kiệm trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện lập dự toán thu, chi NSNN, phân bổ ngân sách theo đúng quy định của Luật ngân sách, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ; thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách, thẩm tra, thẩm định kinh phí theo đúng quy định; nâng cao ý thức tiết kiệm trong chi tiêu công quỹ, sử dụng điện, nước, điện thoại, xăng dầu công tác, nhằm có tiết kiệm để chi tăng thu nhập, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể:

- Tiết kiệm qua lập, thẩm định phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN: 92.000,6 triệu đồng, trong đó: Tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ 91.418,0 triệu đồng.

- Tiết kiệm qua sử dụng và thanh quyết toán NSNN: 102.854,27 triệu đồng, trong đó:

+ Tiết kiệm chi quản lý hành chính là: 33.518,48 triệu đồng.

+ Tiết kiệm trong sửa chữa, mua sắm phương tiện đi lại: 11.626,96 triệu đồng.

+ Tiết kiệm thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ: 54.182,03 triệu đồng.

+ Tiết kiệm chương trình mục tiêu quốc gia: 150,0 triệu đồng

+ Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ : 578,0 triệu đồng

+ Tiết kiệm kinh phí giáo dục đào tạo: 25,0 triệu đồng.

+ Tiết kiệm kinh phí y tế: 2.773,80 triệu đồng

- Về số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN sai chế độ quy định đã phát hiện: 07 đơn vị với tổng số tiền 396,0 triệu đồng (huyện Hòa Thành: 03 đơn vị, số tiền 142 triệu đồng; huyện Tân Biên: 04 đơn vị, số tiền 254 triệu đồng).

b.3- Trong quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG)

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, tiếp tục được Ban Chỉ đạo, UBND các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; chủ động xây dựng các kế hoạch thực hiện Chương trình ngay từ đầu năm; công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn được quan tâm triển khai thường xuyên.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (Chương trình 135), hiện nay các huyện, thành phố đang chỉ đạo 25 xã lập 25 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

c) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

Thực hiện Công văn số 3307/BTC-QLCS ngày 22/3/2019 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. Trong năm 2019, tỉnh không mua sắm mới xe ô tô con, thực hiện rà soát, sắp xếp, xử lý theo Nghị định 04/2019/NĐ-CP, như sau: số phương tiện ô tô đầu năm 328 chiếc; trong năm giảm 02 chiếc (do thanh lý), tăng 10 chiếc [(do các doanh nghiệp, Hệ thống chùa Núi Bà Đen tặng: 08 chiếc (xe ô tô cứu thương); Bộ CHQS tỉnh: 01 chiếc, Bộ Văn hóa Thể thao du lịch điều chuyển: 01 chiếc)]; số phương tiện ô tô hiện nay 336 chiếc.

d) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

d.1. Trong quản lý đầu tư xây dựng:

Công tác quản lý đầu tư, xây dựng được các Sở, ngành, huyện, thành phố tổ chức thực hiện đúng trình tự thủ tục từ khâu lập dự án, thẩm định dự án… cho đến khâu thẩm định quyết toán; quá trình thực hiện được tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ, hạn chế tối đa thất thoát trong đầu tư XDCB của tỉnh.

Kết quả kinh phí tiết kiệm trong đầu tư xây dựng 358.330,64 triệu đồng, gồm:

- Thực hiện thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán 84.529,36 triệu đồng;

- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh 221.033,50 triệu đồng;

- Thực hiện đầu tư, thi công 10.280,88 triệu đồng;

- Thẩm tra phê duyệt quyết toán 42.486,9 triệu đồng.

Kết quả tiết kiệm trong đầu tư xây dựng từ nguồn vốn khác: 278.040 triệu đồng, gồm:

- Trong chủ trương đầu tư dự án: theo Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất, UBND tỉnh đã dừng triển khai 07 dự án không phát huy hiệu quả cao và các dự án đầu tư bằng nguồn vốn khác qua đó tiết kiệm khái toán tổng mức đầu tư là 125.300 triệu đồng.

- Tiết kiệm qua đấu thầu là 150.097 triệu đồng.

- Ngành giao thông: đường vào Nông trường Thành Long, huyện Châu Thành tỉnh Tây Ninh tiết kiệm 2.643,75 triệu đồng (từ nguồn vốn khác).

d.2. Trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

Công tác quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập được các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, định mức nhà nước ban hành, cụ thể:

Việc quản lý, sử dụng tài sản là nhà, đất, trụ sở làm việc được đăng ký tại Sở Tài chính theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Thực hiện rà soát, tổng hợp phương án xử lý, sắp xếp lại trụ sở làm việc, nhà, đất các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

d.3. Trong quản lý, sử dụng nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng

Công tác quản lý, sử dụng nhà ở công vụ được tổ chức thực hiện theo đúng quy định về quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh tại Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 05/7/2017 của UBND tỉnh.

Công tác quản lý, sử dụng các công trình phúc lợi công cộng phục vụ mục tiêu nâng cao cuộc sống cộng đồng dân cư được quan tâm; công tác quy hoạch, bố trí kinh phí xây dựng trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

đ) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, khai thác, sử dụng đất, tài nguyên thiên nhiên

- Trong quản lý, sử dụng đất, tài nguyên nước và khoáng sản

Trong năm 2019, UBND tỉnh cấp tổng số 135 giấy phép, trong đó:

+ Cấp 13 giấy phép trong hoạt động khoáng sản các loại, gồm: 04 giấy phép khai thác khoáng sản; 02 gấy phép điều chỉnh khai thác khoáng sản; 04 giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản; 02 quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; 01 giấy phép chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

+ Cấp 122 giấy phép trong hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, xả thải vào nguồn nước, gồm 39 giấy phép cấp, điều chỉnh, gia hạn xả nước thải vào nguồn nước, 60 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, 23 giấy phép thăm dò nước dưới đất.

- Trong quản lý, sử dụng tài nguyên rừng

Kế hoạch trồng rừng năm 2019 trên địa bàn tỉnh 235 ha, đã trồng 232 ha (đạt 98,7% kế hoạch); các đơn vị chủ rừng khẩn trương tiếp tục thực hiện chăm sóc, phòng chống cháy và bảo vệ rừng trồng, đảm bảo rừng trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

Năm 2019, tình trạng vi phạm luật lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đã giảm, phát hiện 81 vụ vi phạm quy định Luật Lâm nghiệp giảm 24 vụ so với cùng kỳ năm trước; xảy ra 10 vụ cháy rừng tổng diện tích 13,1 ha (03 vụ cháy rừng trồng 9,3 ha và 07 vụ cháy rừng tự nhiên 3,87 ha), hầu hết các trường hợp chủ yếu là cháy lớp thảm thực vật, cây bụi, chồi cây tái sinh và được phát hiện, ngăn chặn kịp thời, không gây thiệt hại lớn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, xử phạt hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện các Kế hoạch kiểm tra:

- Kiểm tra lại hoạt động khai thác, mua bán, vận chuyển khoáng sản cát trong hồ Dầu Tiếng đối với 16 tổ chức theo Quyết định số 1250/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh.

+ Kiểm tra 15 dự án và thu thập thông tin 02 dự án đầu tư về chăn nuôi gà, heo, giết mổ, nuôi trồng thủy sản, hạ cấp mặt bằng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

+ Phúc tra kết quả kiểm tra về khoáng sản trên địa bàn huyện Châu Thành (Thông báo số 2622/TB-STNMT ngày 16/5/2019); kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản đối với câc đơn vị trên địa bàn tỉnh (Thông báo số 5107/TB-STNMT Ngày 12/9/2019).

Về kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính: Trong 10 tháng đầu năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện 32 cuộc kiểm tra (79 tổ chức), 03 cuộc thanh tra (18 tổ chức); đã tham mưu và ban hành 11 quyết định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai,

khoáng sản đối với 08 tổ chức, 01 cá nhân với tổng số tiền 404,5 triệu đồng, tịch thu số tiền 1.901,47 triệu đồng (Ban hành 03 QĐ XPVPHC đối với cùng 01 tổ chức: 02 Quyết định về đất đai, 01 về khoáng sản). Số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước: 404,5 triệu đồng.

e) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

- Các sở, ngành, huyện, thành phố thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2019 của UBND tỉnh, giảm 60 người so với năm 2018, trong đó:

+ Quyết định số 3274/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức đối với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trực thuộc năm 2019, cụ thể: tổng số 1.853 người, gồm: cấp tỉnh 1.002 người, cấp huyện 851 người; giảm 40 người so với năm 2018.

+ Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND tỉnh về việc định biên chế số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh, cụ thể: 447 người, giảm 20 người so với năm 2018.

- Trong quản lý công tác đào tạo: các Sở, ngành, huyện, thành phố đã xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức đúng đối tượng, đúng nghiệp vụ, chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; tuân thủ trình tự, thủ tục khi đưa cán bộ, công chức đi đào tạo; kiểm soát chặt chẽ công tác đào tạo, tiết kiệm chi phí cho nhà nước.

- Trong quản lý sử dụng lao động: các Sở, ban, ngành tỉnh, công chức, viên chức chấp hành nghiêm Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 06/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao hiệu quả thời gian làm việc.

g) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

Hiện nay, tỉnh còn 02 doanh nghiệp nhà nước gồm: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh; Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Tây Ninh.

Các Công ty trên đã ban hành quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi phí quản lý doanh nghiệp; thực hiện quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp đạt hiệu quả, sử dụng đất đúng mục đích được cấp. Kết quả có tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh 8.439 triệu đồng, trong đó: Tiết kiệm về nhiên liệu, năng lượng 1.033 triệu đồng; tiết kiệm chi phí quản lý 7.187 triệu đồng.

h) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân

- Thực hành tiết kiệm trong đầu tư xây dựng, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân: chính quyền và đoàn thể các cấp trên địa bàn tỉnh chủ yếu tuyên truyền, giới thiệu những phương thức, mô hình sản xuất mới, giống mới, cách thức kiểm soát sản xuất... cho nhân dân thấy để thực hiện tiết kiệm chi phí trong đầu tư xây dựng, sản xuất, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của hàng hóa, sản phẩm.

- Năm 2019, sản lượng điện toàn tỉnh đã tiết kiệm được là 70.400.000 KWh điện tương đương 211.200,00 triệu đồng. Riêng hưởng ứng Giờ Trái đất năm 2019 đã tiết kiệm được 34.974 kWh điện tương đương 104,92 triệu đồng.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí

Kết quả thanh tra một số đơn vị về mua sắm, sử dụng trang thiết bị đã phát hiện vẫn còn một vài đơn vị chưa đưa tài sản, trang thiết bị vào sử dụng hiệu quả; đã kiến nghị có giải pháp đưa tài sản, thiết bị vào sử dụng tránh lãng phí.

3. Phân tích, đánh giá

a) Đánh giá kết quả đạt được

Trên cơ sở các quy định và thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, công tác THTK, CLP năm 2019 đạt được một số kết quả:

- Kịp thời xây dựng, ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2019 trên địa bàn tỉnh; có văn bản chỉ đạo các Sở, ngành, huyện, thành phố xây dựng, ban hành Chương trình, kế hoạch về THTK, CLP năm 2019.

- Ban hành Kế hoạch và tổ chức Hội nghị sơ kết công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 3 năm 2016-2018 trên địa bàn tỉnh;

- Ban hành văn bản về hướng dẫn chế độ báo cáo kết quả về THTK, CLP định kỳ 6 tháng, cả năm, phân công các sở, ngành, huyện, thành phố trong công tác báo cáo THTK, CLP gắn với đặc thù, trọng tâm cần thực hiện; văn bản chỉ đạo, triển khai Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính về quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên;

- Đã giao cơ chế tài chính cho 100% các cơ quan hành chính và 100% các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện tiết kiệm cho ngân sách từ các lĩnh vực chủ yếu như: tiết kiệm chi thường xuyên 92.000,61 triệu đồng; tiết kiệm qua sử dụng và quyết toán NSNN 102.854,27 triệu đồng; tiết kiệm trong quản lý đầu tư xây dựng 358.330,64 triệu đồng; tiết kiệm sản lượng điện toàn tỉnh 211.200,0 triệu đồng, ...

- Ban hành Kế hoạch kiểm tra việc THTK, CLP năm 2019 trên địa bàn tỉnh; tổ chức kiểm tra tại Sở Tư pháp, Sở Xây dựng và ban hành kết luận kiểm tra.

Công tác THTK, CLP năm 2019 đạt được những kết quả nêu trên là có sự tập trung chỉ đạo sâu sát của Thủ trưởng các Sở, ngành, huyện, thành phố trong xây dựng, ban hành Chương trình công tác về THTK, CLP năm 2019 và triển khai thực hiện kịp thời; tuyên truyền pháp luật về THTK, CLP cho cán bộ, công chức, viên chức quán triệt và vận động tham gia; tinh thần trách nhiệm trong tham mưu, tổ chức quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách cấp theo lĩnh vực phân công thực sự tiết kiệm và hiệu quả.

b) Những hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, vẫn còn những hạn chế sau:

- Một số cơ quan, đơn vị đã ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2019, nhưng thiếu những nội dung, chỉ tiêu định lượng cụ thể, trong đó có chỉ tiêu tiết kiệm về chi thường xuyên, tiết kiệm kinh phí giao theo đặc thù của ngành.

- Một số cơ quan, đơn vị (chủ yếu là đơn vị hội, đoàn thể) báo cáo, phân tích và đánh giá còn chung chung về kết quả THTK, CLP.

Nguyên nhân:

- Một số Lãnh đạo Sở, ngành, huyện, thành phố chưa quan tâm đúng mức trong chỉ đạo, lãnh đạo thực hiện, ít kiểm tra, giám sát đối với công tác này nhằm phát hiện thiếu sót để kịp thời khắc phục.

- Lãnh đạo Sở, ngành, huyện, thành phố có phân công phòng, ban, cán bộ, công chức tham mưu công tác THTK, CLP, nhưng một số cán bộ, công chức chưa đi sâu nghiên cứu quy định pháp luật về THTK, CLP, chưa nắm thông tin kịp thời, nên tham mưu chưa sâu sát.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP VỀ THTK, CLP CẦN TẬP TRUNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Phương hướng, nhiệm vụ

1.1. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THTK, CLP đến cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc để triển khai cho cán bộ, công chức, viên chức quán triệt, ý thức được nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cá nhân để có hành động thiết thực tiết kiệm cho cá nhân, tổ chức.

1.2. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh về Phê duyệt đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) giai đoạn 2018 – 2021.

1.3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP

- Các cơ quan Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố (là cơ quan chủ quản có đơn vị trực thuộc) triển khai thực hiện:

+ Khi xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2020 cần lồng ghép nội dung kiểm tra về THTK, CLP là một trong những nội dung thanh tra, kiểm tra của cơ quan chủ quản đối với đơn vị trực thuộc để kết hợp thực hiện và báo cáo kết quả kiểm tra vào trong báo cáo THTK, CLP định kỳ.

- Sở Tài chính phối hợp Thanh tra tỉnh tham mưu Kế hoạch về kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 trên địa bàn tỉnh để trình UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

1.4. Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Chương trình THTK, CLP năm 2019, phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế và căn cứ Chương trình THTK, CLP năm 2020 của Chính phủ và của UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị lãnh đạo cơ quan, đơn vị mình và cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng Chương trình THTK, CLP năm 2020 và tổ chức thực hành tiết kiệm có hiệu quả, báo cáo kết quả tiết kiệm theo định kỳ kịp thời gửi về Sở Tài chính để tổng hợp.

1.5. Tiếp tục tổ chức, thực hiện việc đánh giá kết quả THTK, CLP trong chi thường xuyên đối với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn theo Thông tư số 129/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên; đưa nội dung này làm một trong những tiêu chí tính thi đua, khen thưởng.

2. Các giải pháp

2.1. Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về THTK, CLP, gồm các Chỉ thị, Nghị quyết và các văn bản của Trung ương, địa phương có liên quan; đa dạng hóa và phát huy hình thức tuyên truyền tiết kiệm và có hiệu quả.

2.2. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế quản lý, hệ thống văn bản quy định của tỉnh về tổ chức, biên chế; về quản lý, sử dụng ngân sách, vốn, tài nguyên - khoáng sản, môi trường và tài sản Nhà nước.

2.3. Rà soát nội dung chương trình, báo cáo về THTK, CLP để chỉ ra các cơ quan, đơn vị xây dựng, ban hành chưa đạt yêu cầu.

2.4. Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức trong quản lý sử dụng NSNN, thực hiện các mục tiêu, giải pháp THTK, CLP đã ban hành.

2.5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về THTK, CLP đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí, tài sản của nhà nước,

tài nguyên thiên nhiên và các doanh nghiệp có vốn của Nhà nước; xử lý đúng quy định pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm, gây lãng phí.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 trên địa bàn tỉnh, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về THTK, CLP cần tập trung thực hiện trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP;
- Phòng KTTC, NC, TKTH;
- Lưu: VT, VP.

6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng



PHỤ LỤC SỐ 01
KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
Kỳ báo cáo: 2019

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch	
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)
I	**Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**						
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản	4	0	1	25.00	0.00
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản	0	0	0	0.00	0.00
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc	0	0	0	0.00	0.00
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	0	0.00	0.00
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng	0	0	0	0.00	0.00
II	**Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)**						
1	**Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN**	-	**156,048.00**	**91,419.00**	**92,000.61**	**58.96**	**100.64**
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng	0.00	0.00	582.61	0.00	0.00
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	156,048.00	91,419.00	91,418.00	58.58	100.00
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
1.4	Các nội dung khác		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	**Sử dụng và thanh quyết toán NSNN**	***triệu đồng***	**98,635.08**	**96,251.79**	**102,854.27**	**104.26**	**106.86**
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	*triệu đồng*	24,835.59	34,246.74	33,518.48	134.96	97.87
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	*triệu đồng*	4,738.32	6,281.76	5,952.56	125.63	94.76
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	*triệu đồng*	2,329.92	2,849.61	2,674.04	114.77	93.84
	Tiết kiệm sử dụng điện	*triệu đồng*	4,299.61	5,067.37	2,794.79	65.00	55.15

	Tiết kiệm xăng, dầu	*triệu đồng*	1,217.82	2,346.29	1,379.32	113.26	58.79
	Tiết kiệm nước sạch	*triệu đồng*	317.27	361.74	296.59	93.48	81.99
	Tiết kiệm công tác phí	*triệu đồng*	3,907.44	6,449.01	5,340.07	136.66	82.80
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	*triệu đồng*	1,475.66	1,284.72	1,217.72	82.52	94.78
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	*triệu đồng*	2,474.32	1,914.14	1,752.38	70.82	91.55
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	*triệu đồng*	2,775.23	7,494.10	5,037.01	181.50	67.21
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	913.80	16.90	38.00	4.16	224.85
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		12,967.00	11,522.00	11,626.96	89.67	100.91
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng	2.00	0.00	56.00	2,800.00	0.00
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	12,965.00	11,522.00	11,522.00	88.87	0.00
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Các nội dung khác		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	54,182.39	46,623.35	54,182.03	100.00	116.21
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	233.70	271.20	150.00	64.18	55.31
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	0.00	0.00	578.00	0.00	0.00
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	20.00	30.00	25.00	125.00	83.33
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	6,414.40	3,558.50	2,773.80	43.24	77.95
3	**Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ**						
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	242.00	92.00	238.00	98.35	0.00
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	5.00	0.00	7.00	60.00	0.00
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	14.00	0.00	396.00	2,828.57	0.00
4	**Các nội dung khác**						
III	**Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**						
1	**Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)**						
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	336.00	0.00	328.00	97.62	0.00
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0.00	0.00	10.00	0.00	0.00
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	8.00	0.00	2.00	0.00	0.00
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00

1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	**Tài sản khác**						
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3	**Các nội dung khác**		125.00	0.00	0.00	0.00	0.00
IV	**Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng**						
1	**Trong đầu tư xây dựng**						
1.1	**Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm**	dự án	0.00	0.00	0.00		
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	307,594.50	449,737.60	358,330.64	116.49	79.68
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	*triệu đồng*	31,831.00	121,570.60	84,529.36	265.56	69.53
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	*triệu đồng*	190,750.50	84,228.00	221,033.50	115.88	262.42
	- Thực hiện đầu tư, thi công	*triệu đồng*	50,232.00	10,873.00	10,280.88	20.47	94.55
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	*triệu đồng*	34,781.00	233,066.00	42,486.90	122.16	18.23
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, huỷ bỏ						
	Số lượng	dự án	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	**Trụ sở làm việc**						
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	1,932,902.00	0.00	1,932,610.00	99.98	0.00
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	292.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng	158.40	1,952.30	95.30	60.16	4.88
3	**Nhà công vụ**						
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	196.00	0.00	196.00	0.00	0.00

3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
4	**Các nội dung khác**		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
V	**Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên**						
1	**Quản lý, sử dụng đất**						
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hoá, có vi phạm pháp luật	m2	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hoá đã xử lý, thu hồi	m2	49,082.50	0.00	0.00	0.00	0.00
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	78.00	40.00	75.00	96.15	187.50
1.4	Các nội dung khác		0.00	0.00	0.00		0.00
2	**Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác**						
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	125.00	8.00	63.00	50.40	787.50
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	2,620.50	200.00	654.50	24.98	327.25
3	**Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được**						
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
4	**Các nội dung khác**		113.00	0.00	2.50	2.21	0.00
VI	**Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước**						
1	**Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động**	vụ	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	**Số tiền xử lý vi phạm thu được**	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3	**Các nội dung khác**		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
VII	**Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**						
1	**Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh**	**triệu đồng**	**-5,946.00**	**2,248.00**	**8,439.00**	**-141.93**	**375.40**
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00

1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	1,579.00	360.00	1,033.00	65.42	0.00
	Tiết kiệm điện	Kw/h	21.00	9.00	17.00	0.00	0.00
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	285.00	214.00	202.00	0.00	0.00
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	-7,525.00	1,888.00	7,187.00	-95.51	0.00
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2	**Quản lý đầu tư xây dựng**						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được						
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	*triệu đồng*	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	*triệu đồng*	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Thực hiện đầu tư, thi công	*triệu đồng*	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	*triệu đồng*	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	*dự án*	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	*triệu đồng*	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
2.5	Các nội dung khác		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
3	**Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN**						
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
4	**Mua sắm tài sản, phương tiện**						
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con						
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	40.00	33.00	32.00	0.00	0.00
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	0.00	0.00	1.00	0.00	0.00
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	0.00	0.00	421.00	0.00	0.00
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00

	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
5	**Nợ phải thu khó đòi**						
	Số đầu kỳ	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
	Số cuối kỳ	triệu đồng	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
6	**Vốn chủ sở hữu**						
	Số đầu năm	triệu đồng	2,333,545.00	2,440,823.00	2,440,823.00	104.60	100.00
	Số cuối kỳ	triệu đồng	2,440,823.00	2,488,800.00	2,447,367.00	100.27	98.34
VIII	**THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân**						
1	**Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hoá, THTK, CLP**	**Lượt hộ**	25,470.00	34,345.00	26,669.00	104.71	77.65
2	**Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện**	**Vụ**	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
IX	**Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP**						
1	**Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện**	cuộc	10.00	13.00	18.00	180.00	138.46
2	**Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành**	cuộc	10.00	6.00	18.00	180.00	0.00
3	**Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm ra về THTK, CLP**	cơ quan/tổ chức/đơn vị	15.00	38.00	44.00	293.33	115.79
4	**Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện**	cơ quan/tổ chức/đơn vị	1.00	0.00	7.00	0.00	0.00
5	**Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát**	triệu đồng	14.00	0.00	396.00	0.00	0.00
6	**Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi**	triệu đồng	14.00	0.00	396.00	0.00	0.00

MẪU PHỤ LỤC SỐ 06

BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH TỈNH TÂY NINH - NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 48 /BC-UBND ngày 24./02/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C+D+E)	**100**	**82**
A.	**Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**	**10**	**09**
I	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	6	5
1	Sự kịp thời trong việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	3	2
-	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua.	3	
-	Sau từ 31 - 60 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua.	2	2
-	Sau từ 61 ngày trở lên kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua.	1	
-	Không ban hành.	0	
2	Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ.	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ.	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên thấp hơn chỉ tiêu trong Chương hình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ.	0	
II	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	4	4
1	Có ban hành, trong đó có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên.	4	4
2	Có ban hành nhưng không có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên.	2	
3	Không ban hành.	0	

B	**Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên**	**40**	**25**
I	Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	5	5
II	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	20	10
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao.	10	10
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao.	15	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
III	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô; để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền.	5	0
	Đã thực hiện khoán.	5	
	Chưa thực hiện khoán.	0	0
IV	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao.	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định.	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định.	0	
C	**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp.**	**30**	**30**
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp.	15	
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên.	15	15
2	Từ 50%- 80 % số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên.	12	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên.	9	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên.	6	
II	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương thuộc loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tỷ lệ % đơn vị	15	15

	sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.		
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định.	15	15
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định.	0	
D	**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện**	**10**	**8**
1	Trên 80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên.	10	
2	Từ 50%-80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên.	8	8
3	Từ 20% đến dưới 50% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên.	6	
4	Dưới 20% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên.	4	
E.	**Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**	**10**	**10**
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	5	5
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	3	3
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc.	5	5
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	3	3

Tây Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2020

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

BẢNG THUYẾT MINH

Về tự đánh giá và chấm điểm kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2019 của UBND tỉnh Tây Ninh.

(Kèm theo Phụ lục 06 - Bảng đánh giá... ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Tổng cộng (A+B+C+D+E = tối đa 100 điểm): tự chấm 82 điểm, trong đó:

A. Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (tối đa 10 điểm): tự chấm 09 điểm.

I. Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (tối đa 6 điểm): tự chấm 5 điểm.

1. Sự kịp thời trong việc ban hành Chương trình THTK, CLP hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tối đa 3 điểm): tự chấm 2 điểm.

- Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2019.

- UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 719/QĐ -UBND ngày 25/3/2019 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.

Thời gian từ ngày 21/02 đến 25/3/2019 là 32 ngày, là sau từ 31 - 60 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về THTK, CLP của Chính phủ được thông qua.

2. Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ (điểm tối đa 3 điểm): tự chấm 3 điểm.

UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 719/QĐ -UBND ngày 25/3/2019 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019, trong đó đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên bằng chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ, cụ thể: "Phấn đấu tiết kiệm tối thiểu 12% so với dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các khoản kinh phí chi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp, chi tiếp khách, khánh tiết tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm; phấn đấu tiết kiệm tối thiểu 15% chi đoàn ra, đoàn vào so với dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;".

II. Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (tối đa: 4 điểm): tự chấm 4 điểm.

1. Có ban hành, trong đó có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên (tối đa 4 điểm): tự chấm 4 điểm.

UBND tỉnh Tây Ninh có ban hành 2 văn bản sau:

- Công văn số 826/UBND-KTTC ngày 25/4/2019 về việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK,CLP năm 2019;

- Công văn số 446/UBND-KTTC ngày 14/3/2019 của UBND tỉnh về việc tăng cường thực hiện tiết kiệm điện.

B. Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên (tối đa 40 điểm): tự chấm 25 điểm.

I. Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (tối đa 5 điểm): tự chấm 5 điểm.

Ngân sách tỉnh Tây Ninh không dự toán chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào tỉnh; thực tế năm 2019 không phát sinh chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào tỉnh Tây Ninh đã đảm bảo mức tiết kiệm 15 % chi đoàn ra, đoàn vào, nên tự chấm đạt 5 điểm.

II. Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương), (tối đa 20 điểm): tự chấm 10 điểm.

Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên năm 2019 của Ngân sách tỉnh Tây Ninh đạt tỷ lệ 2,03 % so dự toán chi thường xuyên, tự chấm đạt 10 điểm, cụ thể:

- Dự toán chi thường xuyên năm 2019: 5.451.538 triệu đồng, gồm: Ngân sách cấp tỉnh: 2.319.132 triệu đồng; Ngân sách huyện, thành phố: 3.132.406 triệu đồng *(theo Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh).*

- Thực hiện chi thường xuyên năm 2019: 5.340,641 triệu đồng, gồm: Ngân sách cấp tỉnh: 1.985.778 triệu đồng; Ngân sách cấp huyện, thành phố: 3.354.863 triệu đồng.

- Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên năm 2019: 110.897 triệu đồng (theo tổng hợp báo cáo của các đơn vị tại Phụ lục 02) đạt tỷ lệ 2,03 % so Dự toán chi thường xuyên (110.897 trđ/5.451.538 trđ), không tính tiết kiệm để cải cách tiền lương dưới đây.

- Số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương (theo tổng hợp báo cáo của các đơn vị tại Phụ lục 02): 91.418 triệu đồng.

III. Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô; để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền (điểm tối đa 5 điểm): tự chấm 0 điểm.

UBND tỉnh Tây Ninh và một số cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh chưa tổ chức thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

IV. Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao (điểm tối đa 10 điểm): tự chấm 10 điểm.

- Các sở, ngành, huyện, thành phố thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2019 của UBND tỉnh, giảm 60 người so với năm 2018, trong đó:

+ Quyết định số 3274/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức đối với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trực thuộc năm 2019, cụ thể: tổng số 1.853 người, gồm: cấp tỉnh 1.002 người, cấp huyện 851 người; giảm 40 người so với năm 2018.

+ Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của UBND tỉnh về việc định biên chế số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2019 cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh, cụ thể: 447 người, giảm 20 người so với năm 2018.

C. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp (tối đa 30 điểm): tự chấm 27 điểm.

I. Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp (tối đa 15 điểm): tự chấm 15 điểm.

Tỉnh Tây Ninh hiện có 13 Sở, ngành là đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp của UBND tỉnh, kết quả năm 2019:

- Có 13/13 Sở, ngành đạt từ 80 điểm trở lên tương ứng 100 %, gồm: Sở Nông nghiệp và PTNT 100 điểm; Sở Tư pháp 90 điểm; Sở Công thương 85 điểm; Sở Khoa học Công nghệ 95 điểm; Sở Xây dựng 85 điểm; Sở Giao thông vận tải 100 điểm; Sở Giáo dục và đào tạo 100 điểm; Sở Y tế 85 điểm; Sở Lao động TBXH 100 điểm; Sở Văn hóa Thể thao Du lịch 100 điểm; Sở Tài nguyên Môi trường 100 điểm; Sở Thông tin Truyền thông 99 điểm; Sở Nội vụ 95 điểm.

Từ kết quả 100 % số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên, tự chấm đạt 15 điểm.

II. Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương thuộc loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên: (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tỷ lệ % đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này. ***(điểm tối đa 15 điểm): tự chấm 15 điểm.***

UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 về Phê duyệt đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) giai đoạn 2018 – 2021. Hiện nay, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh đang tổ chức triển khai, thực hiện theo kế hoạch.

Kết quả thực hiện kế hoạch đối với đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh: đã sáp nhập một số đơn vị lại, nêu số liệu như sau:

- Đơn vị cấp tỉnh (giao theo NĐ 43, NĐ 141, NĐ 54):

+ Đầu năm 2019, tỉnh có 120/120 đơn vị đạt 100%, trong đó: 13 đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên;

+ Cuối năm 2019, tỉnh sắp xếp lại có 105/105 đơn vị đạt 100%, trong đó: 12 đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên, thực hiện đạt 100% kế hoạch.

- Đơn vị cấp huyện (giao theo NĐ 43, NĐ 141, NĐ 54):

+ Đầu năm 2019, các huyện giao 541/541 đơn vị đạt 100 %, trong đó: 16 đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên (kể cả 01 đơn vị tự đảm bảo về chi đầu tư);

+ Cuối năm 2019, các huyện sắp xếp lại giao 511/511 đơn vị đạt 100 %, trong đó: 15 đơn vị tự đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên (kể cả 01 đơn vị tự đảm bảo về chi đầu tư), thực hiện đạt 100% kế hoạch.

D. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện (điểm tối đa 10 điểm): tự chấm 08 điểm.

Tỉnh Tây Ninh có 9 huyện, thành phố thuộc tỉnh, kết quả năm 2019:

- Có 2/9 huyện, thành phố đạt từ 50 đến 80 điểm, tương ứng 22,22 %, gồm: Thành phố Tây Ninh 70 điểm; huyện Dương Minh Châu 75 điểm.

- Có 7/9 huyện, thành phố đạt từ 80 điểm trở lên tương ứng 77,78 %, gồm: huyện Hòa Thành 89 điểm; huyện Châu Thành 80 điểm; huyện Tân Châu 100 điểm; huyện Tân Biên 100 điểm; huyện Gò Dầu 100 điểm; huyện Trảng Bàng 90 điểm; huyện Bến Cầu 90 điểm. Tự chấm đạt 08 điểm.

E. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (điểm tối đa 10 điểm): tự chấm 10 điểm.

I. Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (điểm tối đa 5 điểm): tự chấm 5 điểm.

1. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (2 điểm): tự chấm 2 điểm.

Kế hoạch số 1242/KH-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về THTK, CLP năm 2019 trên địa bàn tỉnh, trong đó nội dung tuyên truyền 04 văn bản và đề ra một số hình thức tuyên truyền.

2. Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (3 điểm): tự chấm 3 điểm.

Kết quả thực hiện: Công văn số 1820/STC-TTS ngày 17/7/2019 của Sở Tài chính gửi 04 văn bản cho các cơ quan, đơn vị và đề nghị tuyên truyền theo kế hoạch của UBND tỉnh. Toàn bộ 04 tập tin nêu trên được đăng tải trên mục "Văn bản Sở Tài chính/Văn bản hướng dẫn điều hành" của Websiste thông tin Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh.

II. Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc (điểm tối đa 5 điểm): tự chấm 5 điểm.

1. Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra. (điểm tối đa 2 điểm): tự chấm 2 điểm.

UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch số 2322/KH-UBND ngày 17/10/2019 về kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 trên địa bàn tỉnh, trong đó: đối tượng kiểm tra gồm cơ quan Sở, ngành, UBND huyện và đơn vị sự nghiệp.

2. Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra (điểm tối đa 3 điểm): tự chấm 3 điểm.

- UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác THTK,CLP năm 2019 trên địa bàn tỉnh;

- Đoàn Kiểm tra đã thực hiện kiểm tra tại Sở Xây dựng, Sở Tư pháp và lập Biên bản kiểm tra; Trưởng đoàn có Báo cáo ngày 27/12/2019 về kết quả kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 tại 02 cơ quan trên; UBND tỉnh có Kết luận số 90/KL-UBND ngày 15/01/2020 về kết quả kiểm tra tại 02 cơ quan trên./.